

Bản án số: 88/2022/HNGĐ-ST

Ngày 14/7/2022

“V/v: Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thúy Hoa.

2. Ông Lê Văn Tập

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Dịu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk không tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022, tại Hội trường xét xử trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 214/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022, về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/6/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Lê Trọng A, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Số 48/1 H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

Bị đơn: Bà Phạm Thị Ý N, sinh năm 1994; Địa chỉ: Tổ 3, khóm II, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông Nguyễn Lê Trọng A trình bày có nội dung như sau:

Ông Nguyễn Lê Trọng A và bà Phạm Thị Ý N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 22/10/2013.

Sau khi kết hôn, ông A và bà N về cư trú và sinh sống tại địa chỉ: Số 48/1 H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 06 tháng thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng ông A, bà N sống ly thân từ năm 2014 đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Nguyên vọng của ông A là đề nghị Tòa án giải quyết cho ông A được ly hôn với bà Phạm Thị Ý N.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Văn bản trình bày ý kiến, ngày 12/4/2022, bị đơn bà Phạm Thị Ý N trình bày có nội dung như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Ý N và ông Nguyễn Lê Trọng A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ngày 22/10/2013. Sau khi kết hôn, bà N và ông A chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó đến năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung. Hiện vợ chồng đang sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Bà Phạm Thị Ý N thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa nên yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết cho bà N và ông A được thuận tình ly hôn.

Về con chung: Bà N và ông A không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, nguyên đơn ông Nguyễn Lê Trọng A có cư trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và bị đơn bà Phạm Thị Ý N có Đơn đề nghị lựa chọn thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Phạm Thị Ý N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Ông A và bà N chung sống trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ngày 22/10/2013, là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Ông A và bà N đều xác định vợ chồng thường xuyên bất đồng trong quan điểm, lối sống, vợ chồng đã cố gắng khắc phục nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Từ năm 2014 thì mâu thuẫn phát sinh căng thẳng và vợ chồng sống ly thân cho đến nay, sau khi ly thân ông A sinh sống tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk còn bà N trở về sinh sống tại Tổ 3, khóm II, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, không ai quan tâm chăm sóc đến nhau nữa.

Xét mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa ông A và bà N đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng duy trì cuộc sống chung. Nay ông A và bà N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đều có nguyện vọng đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn, nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông A và bà N là phù hợp với Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Không có, nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

[6]. Về án phí: Ông A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, khoản 1 Điều 227, Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Lê Trọng A.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Lê Trọng A và bà Phạm Thị Ý N.

Về con chung: Không có nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Lê Trọng A phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà ông A đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 60AA/2021/001246 ngày 10/02/2022.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- Ủy ban nhân dân phường T,
TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu: HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Loan